

Số: 568/2026/QĐST-HNGĐ TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212, 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 391/2026/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

- Ông Trịnh Minh H, sinh năm 1978, CCCD 079078008334 do Cục C về TTXH cấp ngày 22/12/2021;

Địa chỉ: G Đ, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Phạm Thị Thái N, sinh năm 1989, CCCD 070189009619 do Cục C về TTXH cấp ngày 22/7/2021;

Địa chỉ: G Đ, phường T, TP ..

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, quyển số 01/2012, ngày 23/8/2012 của Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) thì quan hệ hôn nhân giữa ông Trịnh Minh H và bà Phạm Thị Thái N là hợp pháp, phù hợp với Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

*Ông H và bà N cùng thống nhất trình bày:* Ông bà tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 124/2012, quyển số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 23/8/2012. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, dù cố gắng hòa giải nhiều lần nhưng không được. Vợ chồng không còn tiếng nói chung, không có sự yêu thương, quan tâm, chia sẻ. Nay nhận thấy cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được

nên ông bà cùng thuận tình ly hôn và đề nghị Tòa công nhận sự thỏa thuận ly hôn của ông bà.

[3] Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Minh Hải Đ, sinh ngày 20/3/2014 và Trịnh Ngọc Nhã T, sinh ngày 20/01/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng/con, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

[4] Về tài sản chung: Không có.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Xét thấy, yêu cầu thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án công nhận.

[7] Về lệ phí Tòa án: Bà Phạm Thị Thái N tự nguyện chịu lệ phí 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trịnh Minh H và bà Phạm Thị Thái N thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trịnh Minh Hải Đ, sinh ngày 20/3/2014 và Trịnh Ngọc Nhã T, sinh ngày 20/01/2017. Ly hôn hai bên thỏa thuận bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông H cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000đ/tháng/con, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 6/2026 cho đến khi con chung lần lượt thành niên.

Trường hợp ông Trịnh Minh H chậm thi hành nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì ông H phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

2. Lệ phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Phạm Thị Thái N tự nguyện chịu được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà N đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0022094 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự
- VKSND khu vực 4 TP.HCM;
- THADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thị Hải Sâm**